

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÝ I NĂM 2023**

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	4 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 36
<u>Phu lục:</u>	
Cơ cấu tổ chức tại ngày 31 tháng 03 năm 2023	37 - 48
Giải trình biến động kết quả kinh doanh so với kỳ trước	49 - 50

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103001016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp vào ngày 3 tháng 5 năm 2002 và được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101245486 vào ngày 12 tháng 5 năm 2010. Công ty sau đó nhận được các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi với lần gần nhất là lần thứ 72 được cấp ngày 16 tháng 8 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 19 tháng 9 năm 2007 theo Quyết định số 106/QĐ-TTGDHCM do Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 7 tháng 9 năm 2007.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản; tiến hành các hoạt động huy động vốn, đầu tư góp vốn; và cung cấp các dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp.

Công ty có trụ sở chính tại số 7, đường Bằng Lăng 1, khu đô thị Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Công ty có một chi nhánh có địa chỉ tại số 72, phố Lê Thánh Tôn và 45A, phố Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Nhật Vượng	Chủ tịch	
Bà Phạm Thúy Hằng	Phó chủ tịch	
Bà Phạm Thu Hương	Phó chủ tịch	
Bà Nguyễn Diệu Linh	Phó chủ tịch	
Ông Nguyễn Việt Quang	Phó chủ tịch	
Ông Adil Ahmad	Thành viên độc lập	
Ông Chin Michael Jaewuk	Thành viên độc lập	
Ông Ronaldo Dy-Liacco Ibasco	Thành viên độc lập	
Ông Yoo Ji Han	Thành viên	bổ nhiệm ngày 11 tháng 5 năm 2022
Ông Park Woncheol	Thành viên	miễn nhiệm ngày 11 tháng 5 năm 2022

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thế Anh	Trưởng ban
Bà Nguyễn Hồng Mai	Thành viên
Bà Đỗ Thị Hồng Vân	Thành viên

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Việt Quang	Tổng Giám đốc
Bà Mai Hương Nội	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Khương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Dương Thị Hoàn	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Ông Nguyễn Việt Quang.

Bà Mai Hương Nội được người đại diện theo pháp luật của Công ty ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Giấy ủy quyền số 009/2021/GUQ-TGD-VINGROUP ngày 12 tháng 7 năm 2021.

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Tập đoàn Vingroup - Công ty CP ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho Quý I năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho Quý I năm 2023.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 31 tháng 03 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Mai Hương Nội
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 24 tháng 04 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 31 tháng 03 năm 2023

Đơn vị tính: triệu VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		72.734.047	66.187.588
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	1.514.313	1.418.552
111	1. Tiền		296.767	701.006
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.217.546	717.546
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		31.273	31.273
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		31.273	31.273
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		61.079.480	46.156.519
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.601.293	3.169.671
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	13.158.536	12.410.534
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	36.459.222	28.255.698
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	11.682.177	3.907.740
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.821.748)	(1.587.124)
140	III. Hàng tồn kho	8	4.242.895	12.670.790
141	1. Hàng tồn kho		4.296.144	12.724.039
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(53.249)	(53.249)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		5.866.086	5.910.454
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	775.524	819.892
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		-	-
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		166.607	166.607
155	3. Tài sản ngắn hạn khác	10	4.923.955	4.923.955

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 03 năm 2023

Đơn vị tính: triệu VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		177.891.425	183.979.888
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		3.614.528	7.591.745
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	6	3.421.500	7.547.345
216	2. Phải thu dài hạn khác		193.028	44.400
220	II. Tài sản cố định		904.154	926.787
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	892.606	913.529
222	Nguyên giá		1.332.125	1.330.776
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(439.519)	(417.247)
227	2. Tài sản cố định vô hình		11.548	13.258
228	Nguyên giá		125.483	125.229
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(113.935)	(111.971)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	2.045.445	3.031.242
231	1. Nguyên giá		2.648.309	3.910.129
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(602.864)	(878.887)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	13	4.745.679	4.474.605
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		4.745.679	4.474.605
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		134.217.367	135.466.372
251	1. Đầu tư vào công ty con	14.1	162.172.638	163.454.799
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	14.2	51.150	51.150
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	14.3	619.728	593.508
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	14	(28.626.149)	(28.633.085)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		32.364.252	32.489.137
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	843.473	950.082
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		215.673	233.949
268	3. Tài sản dài hạn khác	10	31.305.106	31.305.106
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		250.625.472	250.167.476

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 03 năm 2023

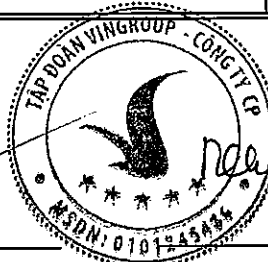
Đơn vị tính: triệu VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		163.449.862	164.476.909
310	I. Nợ ngắn hạn		53.084.761	40.367.956
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	3.260.252	2.421.744
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	8.579.330	9.967.944
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	698.496	245.564
314	4. Phải trả người lao động		37.176	28.852
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	1.679.163	1.445.783
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		20.104	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	28.682.967	20.621.870
320	8. Vay và nợ ngắn hạn	20.1	10.105.268	5.620.235
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		22.005	15.964
330	II. Nợ dài hạn		110.365.101	124.108.953
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	18	522.904	437.008
336	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		5.070	5.467
337	3. Phải trả dài hạn khác	19	54.266.005	62.428.700
338	4. Vay và nợ dài hạn	20.2	55.552.378	61.219.032
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn		18.744	18.746
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		87.175.610	85.690.567
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	87.175.610	85.690.567
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		38.688.573	38.688.573
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		38.139.356	38.139.356
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		549.217	549.217
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		39.140.273	39.140.273
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		61.000	61.000
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		9.285.764	7.800.721
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		7.800.721	6.333.171
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		1.485.043	1.467.550
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		250.625.472	250.167.476

Lưu Thị Ngọc Ánh
Người lập

Ngày 24 tháng 04 năm 2023

Nguyễn Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng



Mai Hương Nội
Phó Tổng Giám đốc

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I năm 2023

B02a-DN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý I năm 2023	Quý I năm 2022	Cho giai đoạn tài chính 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	3.174.977	861.854	3.174.977	861.854
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	-	-	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	3.174.977	861.854	3.174.977	861.854
11	4. Giá vốn hàng bán	23	2.867.252	857.123	2.867.252	857.123
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		307.725	4.731	307.725	4.731
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	3.825.428	3.079.581	3.825.428	3.079.581
22	7. Chi phí tài chính	24	2.059.648	2.506.041	2.059.648	2.506.041
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay và chi phí phát hành		1.323.342	858.096	1.323.342	858.096
25	9. Chi phí bán hàng		62.632	24.678	62.632	24.678
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	326.247	65.320	326.247	65.320
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.684.626	488.273	1.684.626	488.273
31	12. Thu nhập khác	26	28.305	35.333	28.305	35.333
32	13. Chi phí khác	26	12.950	(16.177)	12.950	(16.177)
40	14. Lợi nhuận khác	26	15.355	51.510	15.355	51.510
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.699.981	539.783	1.699.981	539.783
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27	196.663	25.346	196.663	25.346
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	27	18.275	156.549	18.275	156.549
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		1.485.043	357.888	1.485.043	357.888

Đơn vị tính: triệu VND



(Handwritten signature)

Mai Hương Nội
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng

Lưu Thị Ngọc Ánh
Người lập
Ngày 24 tháng 04 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I năm 2023

Đơn vị tính: triệu VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		1.699.981	539.783
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn		54.541	103.676
03	Thay đổi các khoản dự phòng		233.729	763.696
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá		(238.416)	63.100
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(3.587.263)	(2.421.418)
06	Chi phí lãi vay (bao gồm chi phí phát hành)		1.323.050	858.096
				-
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(514.378)	(93.067)
09	Tăng các khoản phải thu		(8.044.174)	(6.771.615)
10	Giảm hàng tồn kho		8.591.026	1.028.405
11	Giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		453.727	(902.460)
12	(Tăng)/ Giảm chi phí trả trước		48.916	(21.178)
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	Tiền lãi vay đã trả		(843.810)	(647.725)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.216)	(24.451)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ/ (sử dụng) vào hoạt động kinh doanh		(309.909)	(7.432.091)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.473.211)	(585.012)
22	Tiền thu được từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		513.028	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(31.897.790)	(10.121.572)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		26.699.215	16.968.340
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền thu về)		(1.494.954)	(7.736.615)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền do đơn vị bị thanh lý nắm giữ)		7.970.046	8.128.036
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.137.261	537.709
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/ (sử dụng) vào hoạt động đầu tư		1.453.595	7.190.886

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2023

Đơn vị tính: triệu VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		1.719.018	7.237.344
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(2.766.943)	(10.913.183)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ/ (sử dụng) vào hoạt động tài chính		(1.047.925)	(3.675.839)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		95.761	(3.917.044)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		1.418.552	4.383.891
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	1.514.313	466.847

 Lưu Thị Ngọc Ánh
 Người lập

 Nguyễn Thị Thu Hiền
 Kế toán trưởng



 Mai Hương Nội
 Phó Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 04 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý I năm 2023

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103001016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp vào ngày 3 tháng 5 năm 2002 và được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101245486 vào ngày 12 tháng 5 năm 2010. Công ty sau đó nhận được các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi với lần gần nhất là lần thứ 72 được cấp ngày 16 tháng 8 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 19 tháng 9 năm 2007 theo Quyết định số 106/QĐ-TTGDHCM do Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 7 tháng 9 năm 2007.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản; tiến hành các hoạt động huy động vốn, đầu tư góp vốn; và cung cấp các dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp.

Công ty có trụ sở chính tại số 7, đường Bằng Lăng 1, khu đô thị Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Công ty có một chi nhánh có địa chỉ tại số 72, phố Lê Thánh Tôn và 45A, phố Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2023, Công ty có 104 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ biểu quyết, tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này được trình bày tại Phụ lục 1.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng triệu đồng Việt Nam (“triệu VNĐ”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2023

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ ghi sổ kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ là triệu đồng.

3 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Bất động sản để bán

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng tồn kho theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng tồn kho bao gồm:

- ▶ Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- ▶ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu;
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo, trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

Hàng hóa

Hàng hóa được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng hóa với giá trị được xác định như sau:

Hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp thực tế đích danh

3 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2023

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa vật kiến trúc	37 - 49 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	5 - 8 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 - 6 năm
Phần mềm máy tính	3 - 5 năm
Các tài sản khác	3 - 15 năm

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và khấu trừ bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Quyền sử dụng đất có thời hạn và nhà cửa, vật kiến trúc	26 - 48 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 12 năm

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn được cấp cho Công ty nhằm mục đích phát triển các bất động sản đầu tư. Các quyền sử dụng đất có thời hạn đó được trích khấu hao trong suốt thời hạn được cấp phép.

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2023**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****3.9 Chi phí trả trước (tiếp theo)**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí thuê đất dài hạn trả trước và các chi phí trả trước khác mang lại lợi ích kinh tế trong khoảng thời gian trên một chu kỳ kinh doanh thông thường.

3.10 Các khoản đầu tư*Đầu tư vào công ty con*

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên bảng cân đối kế toán riêng.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên bảng cân đối kế toán riêng.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư. □

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. □

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Các khoản phải trả nhà thầu xây dựng cho dự án bất động sản được ghi nhận theo biên bản nghiệm thu khối lượng giữa hai bên, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2023

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Phần tăng lên trong khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.13 Các khoản dự phòng

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khi Công ty cho rằng một phần hoặc toàn bộ chi phí để thanh toán một khoản dự phòng sẽ được hoàn lại bởi một bên thứ ba, ví dụ như thông qua hợp đồng bảo hiểm, khoản bồi hoàn này chỉ được ghi nhận là một tài sản riêng biệt khi việc nhận được bồi hoàn là gần như chắc chắn. Chi phí liên quan đến các khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ sau khi đã trừ đi các khoản bồi hoàn.

Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của một khoản dự phòng cần được chiết khấu về giá trị hiện tại sử dụng tỷ lệ chiết khấu là tỷ lệ trước thuế và phản ánh rõ những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khi giá trị của khoản dự phòng được chiết khấu, phần tăng lên theo thời gian của khoản dự phòng được ghi nhận là chi phí tài chính.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2023**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****3.15 Chi phí phát hành trái phiếu**

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu được ghi giảm mệnh giá của trái phiếu. Định kỳ, kế toán phân bổ chi phí phát hành trái phiếu bằng cách ghi tăng giá trị mệnh giá trái phiếu và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa phù hợp với việc ghi nhận lãi vay phải trả của trái phiếu.

3.16 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.17 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận khi phần lớn các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản được chuyển giao cho người mua.

Doanh thu cho thuê bất động sản

Doanh thu cho thuê bất động sản được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

Doanh thu từ bán hàng hóa

Doanh thu từ bán hàng hóa được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các dịch vụ được cung cấp cho khách hàng.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán/chuyển nhượng vốn

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và chuyển nhượng vốn được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn chứng khoán. Thu nhập này được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch, tức là khi hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2023

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là doanh thu khi quyền lợi được nhận cổ tức của Công ty với tư cách là nhà đầu tư được xác định.

3.19 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế,

► Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

► Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2023

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho niên độ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: triệu VND</i>	
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu kỳ</i>
Tiền gửi ngân hàng	296.767	701.006
Các khoản tương đương tiền	1.217.546	717.546
TỔNG CỘNG	1.514.313	1.418.552

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Đơn vị tính: triệu VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Phải thu từ chuyển nhượng bất động sản	291.891	230.092
Phải thu từ cung cấp dịch vụ quản lý và dịch vụ khác	238.950	286.085
Phải thu từ cho thuê bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ liên quan	140.057	224.589
Phải thu từ chuyển nhượng cổ phần	796.039	2.401.210
Phải thu từ các hoạt động khác	134.356	27.695
TỔNG CỘNG	1.601.293	3.169.671
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu ngắn hạn từ khách hàng khác</i>	<i>1.116.150</i>	<i>938.708</i>
<i>Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 28.1)</i>	<i>485.143</i>	<i>2.230.963</i>

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: triệu VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Trả trước cho người bán	13.158.536	12.410.534
TỔNG CỘNG	13.158.536	12.410.534

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Đơn vị tính: triệu VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Ngắn hạn		
Các khoản cho các bên liên quan vay (Thuyết minh số 28.2)	35.478.120	27.274.596
Các khoản cho vay khác	981.102	981.102
TỔNG CỘNG	36.459.222	28.255.698
Dài hạn		
Các khoản cho các bên liên quan vay (Thuyết minh số 28.2)	3.421.500	7.547.345
TỔNG CỘNG	3.421.500	7.547.345

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2023

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ	Đơn vị tính: triệu VND Số đầu kỳ
Phải thu từ hợp đồng xây dựng chuyển giao	9.994.336	1.615.658
Lãi phải thu từ cho vay và tiền gửi	1.078.978	1.557.275
Phải thu do thu, chi hộ	277.004	347.067
Các khoản phải thu khác	331.859	387.740
TỔNG CỘNG	11.682.177	3.907.740
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	<i>10.146.270</i>	<i>1.923.307</i>
<i>Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 28.1)</i>	<i>1.535.907</i>	<i>1.984.433</i>

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ	Đơn vị tính: triệu VND Số đầu kỳ
Bất động sản để bán đang xây dựng dở dang	3.931.465	12.358.960
Hàng tồn kho khác	364.679	365.079
TỔNG CỘNG	4.296.144	12.724.039

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ	Đơn vị tính: triệu VND Số đầu kỳ
Ngắn hạn:		
Chi phí bán hàng liên quan đến các bất động sản chưa bàn giao	775.398	787.621
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	126	32.271
TỔNG CỘNG	775.524	819.892
Dài hạn:		
Chi phí thuê đất trả trước	841.257	947.763
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.216	2.319
TỔNG CỘNG	843.473	950.082

10. TÀI SẢN KHÁC

	Số cuối kỳ	Đơn vị tính: triệu VND Số đầu kỳ
Ngắn hạn:		
Ứng trước vốn góp	4.900.000	4.900.000
Đặt cọc khác	23.955	23.955
TỔNG CỘNG	4.923.955	4.923.955
Dài hạn:		
Hối phiếu nhận nợ mang đi góp vốn vào Công ty Vínfast (*)	25.782.160	25.782.160
Đặt cọc cho mục đích thực hiện hợp đồng	5.522.946	5.522.946
TỔNG CỘNG	31.305.106	31.305.106

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) Quý I năm 2023

(*) Số dư tại ngày 31 tháng 03 năm 2023 bao gồm khoản hồi phiếu nhận nợ từ Công ty VinFast Auto theo hợp đồng chuyển nhượng 51,52% cổ phần của Công ty VinFast ngày 3 tháng 12 năm 2021. Vào ngày 29 tháng 12 năm 2022, Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt Nghị quyết số 30/2022/NQ-HĐQT-VINGROUP về việc góp thêm 25.782 tỷ VND vào Công ty VinFast theo hình thức mua thêm cổ phần ưu đãi có tức do Công ty VinFast phát hành và thanh toán bằng Hồi phiếu nhận nợ từ Công ty VinFast Auto nêu trên. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty VinFast đang quá trình hoàn tất việc ghi nhận giao dịch phát hành cổ phiếu ưu đãi có tức nói trên theo các quy định kế toán có liên quan (Thuyết minh số 14.1) và theo đó, Công ty trình bày khoản hồi phiếu nhận nợ mang đi góp vốn này trong khoản mục tài sản dài hạn khác.

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu kỳ	737.262	337.910	90.502	163.852	1.250	1.330.776
Mua mới	-	41	1.308	-	-	1.349
Số cuối kỳ	737.262	337.951	91.810	163.852	1.250	1.332.125
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Số đầu kỳ	75.820	154.206	33.717	152.312	1.192	417.247
Khấu hao trong kỳ	3.859	15.773	2.614	3	23	22.272
Số cuối kỳ	79.679	169.979	36.331	152.315	1.215	439.519
Giá trị còn lại:						
Số đầu kỳ	661.442	183.704	56.785	11.540	58	913.529
Số cuối kỳ	657.583	167.972	55.479	11.537	35	892.606

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2023**12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Đơn vị tính: triệu VND

	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu kỳ	2.672.503	1.237.626	3.910.129
Xây dựng cơ bản hoàn thành	-	5.111	5.111
Chuyển nhượng	(747.199)	(514.213)	(1.261.412)
Giảm khác	(5.519)		(5.519)
Số cuối kỳ	<u>1.919.785</u>	<u>728.524</u>	<u>2.648.309</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu kỳ	367.898	510.989	878.887
Khấu hao trong kỳ	14.349	15.957	30.306
Chuyển nhượng	(72.434)	(233.895)	(306.329)
Số cuối kỳ	<u>309.813</u>	<u>293.051</u>	<u>602.864</u>
Giá trị còn lại:			
Số đầu kỳ	<u>2.304.605</u>	<u>726.637</u>	<u>3.031.242</u>
Số cuối kỳ	<u>1.609.972</u>	<u>435.473</u>	<u>2.045.445</u>

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Đơn vị tính: triệu VND</i>	
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu kỳ</i>
Dự án bất động sản tại Hải Phòng	2.123.852	2.076.018
Dự án bất động sản tại Quảng Ninh	1.002.173	819.927
Dự án bất động sản tại Hà Nội	450.031	448.360
Dự án bất động sản tại Tuyên Quang	289.954	270.815
Dự án bất động sản tại Nghệ An	271.179	134.876
Các dự án khác	608.490	724.609
TỔNG CỘNG	4.745.679	4.474.605

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2023

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ		Đơn vị tính: triệu VND
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý	
- Đầu tư vào công ty con	162.172.638	133.648.209	163.454.799	134.923.434	(28.531.365)
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	51.150	10.230	51.150	10.230	(40.920)
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	619.728	558.928	593.508	532.708	(60.800)
TỔNG CỘNG	162.843.516	134.217.367	164.099.457	135.466.372	(28.633.085)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Quý I năm 2023

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**14.1 Đầu tư vào các công ty con**

		<i>Đơn vị tính: triệu VND</i>	
		<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu kỳ</i>
1	Công ty CP Sản xuất và kinh doanh Vinfast	65.729.073	65.729.073
2	Công ty CP Vinpearl	38.033.564	38.033.564
3	Công ty CP Vinhomes	21.991.674	21.991.674
4	Công ty CP Nghiên cứu và Sản xuất Vinsmart	8.595.265	8.595.265
5	Công ty CP Đầu tư kinh doanh VMC Holding	5.966.583	5.928.115
6	Công ty CP Kinh doanh Thương mại Sado	1.365.303	3.171.035
7	Các công ty khác	20.491.176	20.006.073
TỔNG CỘNG		162.172.638	163.454.799

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2023

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.2 Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết

	Đơn vị tính: triệu VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công ty CP Genestory	51.150	51.150
TỔNG CỘNG	51.150	51.150

14.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Đơn vị tính: triệu VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển đô thị Ngọc Viễn Đông	519.233	519.233
Công ty CP Thời trang M.Y.M (*)	60.800	60.800
Công ty CP VinID Pay	26.220	-
Các công ty khác	13.475	13.475
TỔNG CỘNG	619.728	593.508

(*) Công ty đang đã giải thể, đã trích lập đầy đủ dự phòng đầu tư tại Thuyết minh số 14.

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: triệu VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Phải trả người bán ngắn hạn khác	2.739.107	2.108.390
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 28.1)	521.145	313.354
TỔNG CỘNG	3.260.252	2.421.744

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: triệu VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Trả trước theo hợp đồng xây dựng	7.600.198	7.600.198
Trả trước theo các hợp đồng chuyển nhượng bất động sản	672.224	1.827.180
Trả trước từ bên liên quan	306.908	540.566
TỔNG CỘNG	8.579.330	9.967.944

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đơn vị tính: triệu VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Thuế giá trị gia tăng	292.439	126.375
Thuế thu nhập doanh nghiệp	219.420	23.972
Thuế thu nhập cá nhân	96.685	41.643
Khác	89.952	53.574
TỔNG CỘNG	698.496	245.564

Quý I năm 2023

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối kỳ	Đơn vị tính: triệu VND Số đầu kỳ
Ngắn hạn:		
Trích trước chi phí xây dựng bất động sản	534.595	505.335
Chi phí bán hàng trích trước	235.696	284.593
Chi phí lãi vay trích trước	889.287	633.984
Các khoản chi phí phải trả khác	19.585	21.871
TỔNG CỘNG	1.679.163	1.445.783
<i>Trong đó:</i>		
Chi phí phải trả khác	1.410.254	1.217.821
Chi phí phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 28.1)	268.909	227.962
Dài hạn:		
Chi phí lãi vay trích trước	522.904	437.008
TỔNG CỘNG	522.904	437.008

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ	Đơn vị tính: triệu VND Số đầu kỳ
Ngắn hạn:		
Nhận đặt cọc, góp vốn từ đối tác theo các thỏa thuận, hợp đồng hợp tác đầu tư/kinh doanh và hợp đồng chuyển nhượng các dự án bất động sản	17.111.267	16.365.952
Nhận đặt cọc để chuyển nhượng các khoản đầu tư	3.566.596	3.563.896
Lợi nhuận phân chia cho đối tác theo hợp đồng hợp tác đầu tư	828.354	-
Tiền thu từ các hợp đồng đặt cọc và hợp đồng khác liên quan đến các dự án bất động sản	6.420.067	675.705
Phải trả ngắn hạn khác	756.683	16.317
TỔNG CỘNG	28.682.967	20.621.870
<i>Trong đó:</i>		
Phải trả khác	9.136.627	9.644.369
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 28.1)	19.546.340	10.977.501
Dài hạn:		
Nhận đặt cọc, góp vốn từ đối tác theo các thỏa thuận, hợp đồng hợp tác đầu tư/kinh doanh và hợp đồng chuyển nhượng các dự án bất động sản	40.030.004	47.993.000
Nhận đặt cọc để chuyển nhượng các khoản đầu tư	13.702.853	13.902.553
Phải trả dài hạn khác	533.148	533.147
TỔNG CỘNG	54.266.005	62.428.700
<i>Trong đó:</i>		
Phải trả khác	1.077.646	940.646
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 28.1)	53.188.359	61.488.054

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Quý I năm 2023

20. VAY VÀ NỢ**20.1 Vay và nợ ngắn hạn**

		Số cuối kỳ	Đơn vị tính: triệu VND Số đầu kỳ
	<i>Thuyết minh</i>		
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	20.2.1	4.354.676	-
Vay dài hạn đến hạn trả của khoản vay hợp vốn	20.2.2	3.094.434	3.105.282
Vay ngân hàng ngắn hạn	20.2.3	2.204.776	1.836.853
Vay các bên liên quan	28.3	451.382	678.100
TỔNG CỘNG		10.105.268	5.620.235

20.2 Vay và nợ dài hạn

		Số cuối kỳ	Đơn vị tính: triệu VND Số đầu kỳ
	<i>Thuyết minh</i>		
Trái phiếu dài hạn	20.2.1	29.492.248	33.928.810
Khoản vay hợp vốn	20.2.2	18.650.113	19.341.505
Vay các bên liên quan dài hạn	28.3	7.410.017	7.948.717
TỔNG CỘNG		55.552.378	61.219.032

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Quý I năm 2023

20. VAY VÀ NỢ**20.2.1. Trái phiếu**

Đại lý lưu ký/bảo lãnh phát hành	Nguyên tệ	Số cuối kỳ Triệu VNĐ	Ngày đáo hạn	Lãi suất/năm
Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương	VND	7.979.508	Từ tháng 2 năm 2024 đến tháng 2 năm 2026	Lãi suất thả nổi, lãi suất trong kỳ từ 11,58%/năm đến 11,63%/năm. Lãi suất cố định 8,5%/năm.
Credit Suisse Singapore Limited, The HongKong and Shanghai Banking Corporation Limited (Singapore) và Morgan Stanley Asia (Singapore) PTE	USD	11.388.024	Tháng 4 năm 2026	Lãi suất cố định 3%/năm.
Deutsche Bank AG, Singapore Branch và Credit Suisse Singapore Limited	USD	14.479.392	Tháng 5 năm 2027	Lãi suất cố định 4%/năm.
<i>Trong đó: trái phiếu dài hạn đến hạn trả</i>		<i>(4.354.676)</i>		
Tổng cộng		<u>29.492.248</u>		

20.2.2. Vay hợp vốn quốc tế

Bên cho vay/thu xếp tín dụng	Nguyên tệ	Số cuối kỳ Triệu VNĐ	Ngày đáo hạn	Lãi suất/năm
Credit Suite AG, chi nhánh Singapore - khoản vay hợp vốn 1	USD	7.798.013	Từ tháng 2 năm 2023 đến tháng 2 năm 2026	Lãi suất thả nổi, lãi suất trong kỳ từ 7,62%/năm đến 7,96%/năm.
Credit Suite AG, chi nhánh Singapore - khoản vay hợp vốn 2	USD	9.159.079	Từ tháng 12 năm 2023 đến tháng 12 năm 2026	Lãi suất thả nổi, lãi suất trong kỳ từ 7,74%/năm đến 8,00%/năm.
Deutsche Bank AG, chi nhánh Singapore - khoản vay hợp vốn 3	USD	4.787.455	Từ tháng 5 năm 2022 đến tháng 11 năm 2024	Lãi suất 7,2%/năm cố định theo Hợp đồng hoán đổi lãi suất sang đồng Việt.
<i>Trong đó: vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>USD</i>	<i>(3.094.434)</i>		
Tổng cộng		<u>18.650.113</u>		

20.2.3. Vay ngân hàng

Bên cho vay	Nguyên tệ	Số cuối kỳ Triệu VNĐ	Ngày đáo hạn	Lãi suất/năm
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	VND	799.650	Tháng 8 và tháng 9 năm 2023	Lãi suất cố định từ 10%/năm đến 10,9%/năm
Ngân hàng Bank of China (HongKong) Limited	VND	681.134	Tháng 8 năm 2023	Lãi suất cố định từ 8%/năm đến 8,8%/năm
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VND	299.733	Tháng 7 năm 2023	Lãi suất cố định 13,4%/năm
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	166.902	Tháng 4 năm 2023	Lãi suất cố định 9,1%/năm
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	VND	115.663	Tháng 5 và tháng 6 năm 2023	Lãi suất cố định từ 7%/năm đến 8,5%/năm
Ngân hàng Maybank	VND	114.370	Tháng 9 năm 2023	Lãi suất cố định 9,55%/năm
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	VND	27.324	Tháng 5 năm 2023	Lãi suất cố định 8,7%/năm
Tổng cộng		<u>2.204.776</u>		

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2023

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối sau thuế	Đơn vị tính: triệu VND
Cho giai đoạn tài chính 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022					
Số đầu kỳ	38.675.533	39.153.313	56.000	6.338.171	84.223.017
- Phát hành cổ phiếu phổ thông để hoán đổi cổ phiếu ưu đãi	13.040	(13.040)	-	-	-
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	357.888	357.888
Số cuối kỳ	38.688.573	39.140.273	56.000	6.696.059	84.580.905
Cho giai đoạn tài chính 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023					
Số đầu kỳ	38.688.573	39.140.273	61.000	7.800.721	85.690.567
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	1.485.043	1.485.043
Số cuối kỳ	38.688.573	39.140.273	61.000	9.285.764	87.175.610

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2023**22 DOANH THU****22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>Đơn vị tính: triệu VND</i>	
	<i>Quý I năm 2023</i>	<i>Quý I năm 2022</i>
Tổng doanh thu	3.174.977	861.854
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu chuyển nhượng bất động sản</i>	<i>2.886.037</i>	<i>581.580</i>
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ quản lý</i>	<i>272.702</i>	<i>217.100</i>
<i>Doanh thu hoạt động khác</i>	<i>16.238</i>	<i>63.174</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	3.174.977	861.854
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu chuyển nhượng bất động sản</i>	<i>2.886.037</i>	<i>581.580</i>
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ quản lý</i>	<i>272.702</i>	<i>217.100</i>
<i>Doanh thu hoạt động khác</i>	<i>16.238</i>	<i>63.174</i>

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: triệu VND</i>	
	<i>Quý I năm 2023</i>	<i>Quý I năm 2022</i>
Lãi từ các khoản cho vay và tiền gửi	1.015.070	1.154.076
Thu nhập từ chuyển nhượng các khoản đầu tư	2.559.218	1.922.839
Doanh thu hoạt động tài chính khác	251.140	2.666
TỔNG CỘNG	3.825.428	3.079.581

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<i>Đơn vị tính: triệu VND</i>	
	<i>Quý I năm 2023</i>	<i>Quý I năm 2022</i>
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản (*)	2.464.022	569.656
Giá vốn cung cấp dịch vụ quản lý	247.911	197.364
Giá vốn hoạt động khác	155.319	90.103
TỔNG CỘNG	2.867.252	857.123

(*) Giá vốn bao gồm phần chia sẻ lợi nhuận theo hợp đồng hợp tác kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2023**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Quý I năm 2023	Đơn vị tính: triệu VND Quý I năm 2022
Chi phí lãi vay và chi phí phát hành khoản vay	1.323.342	858.096
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(6.936)	765.806
Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng vốn	-	654.929
Chi phí tài chính khác	743.242	227.210
TỔNG CỘNG	2.059.648	2.506.041

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý I năm 2023	Đơn vị tính: triệu VND Quý I năm 2022
Chi phí tài trợ	28.001	5.346
Trích lập/(hoàn nhập) các khoản dự phòng	234.624	-
Chi phí quản lý khác	63.622	59.974
TỔNG CỘNG	326.247	65.320

26. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Quý I năm 2023	Đơn vị tính: triệu VND Quý I năm 2022
Thu nhập khác	28.305	35.333
Thu nhập khác	28.305	35.333
Chi phí khác	12.950	(16.177)
Tiền phạt vi phạm hợp đồng và phạt hành chính	11.872	-
Chi phí khác	1.078	(16.177)
GIÁ TRỊ THUẦN	15.355	51.510

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Quý I năm 2023	Đơn vị tính: triệu VND Quý I năm 2022
Chi phí thuế TNDN hiện hành	196.663	25.346
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	18.275	156.549
TỔNG CỘNG	214.938	181.895

28. SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**28.1 Chi tiết các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan****► Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5.1)**

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Đơn vị tính: triệu VND</i>
			<i>Số cuối kỳ</i>
Công ty CP tư vấn đầu tư và đầu tư Việt Nam	Công ty con	Phí quản lý phải thu	167.329
Công ty CP Vinhomes	Công ty con	Phải thu từ chuyển nhượng cổ phần	113.416
Công ty CP VinSchool	Công ty con	Phải thu tiền chia sẻ từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	63.235
		Phải thu khác	2.585
Công ty CP Vincom Retail	Công ty con	Phí quản lý phải thu	43.179
		Phải thu tiền chia sẻ từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	29.174
Công ty CP Vinpearl	Công ty con	Phí quản lý phải thu	25.871
		Phải thu tiền chia sẻ từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	14.483
Các công ty khác	Công ty con	Phải thu khác	25.871
			485.143

► Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Đơn vị tính: triệu VND</i>
			<i>Số cuối kỳ</i>
Công ty CP Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec	Công ty con	Lãi vay phải thu	404.762
		Phải thu từ chi hộ	58.174
Công ty CP Phát Triển Công Nghệ VinTech	Công ty con	Lãi vay phải thu	230.713
Công ty CP Sản xuất và Kinh doanh Vinfast	Công ty con	Lãi vay phải thu	188.429
		Phải thu từ chi hộ	93.725
Công ty CP Vinhomes		Phải thu từ chi hộ	155.684
Các công ty khác	Công ty con	Phải thu khác	404.420
			1.535.907

► Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 15)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Đơn vị tính: triệu VND</i>
			<i>Số cuối kỳ</i>
Công ty CP Vinhomes	Công ty con	Phải trả từ chuyển nhượng cổ phần	301.921
		Phải trả từ cung cấp hàng hóa, dịch vụ	47.966
Công ty CP Nghiên cứu và Sản xuất Vinsmart	Công ty con	Phải trả từ cung cấp hàng hóa, dịch vụ	47.868
Công ty TNHH Kinh doanh thương mại và dịch vụ Vinfast	Công ty con	Phải trả từ cung cấp hàng hóa, dịch vụ	45.635
Các công ty khác	Công ty con	Phải trả từ cung cấp hàng hóa, dịch vụ	77.755
			521.145

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2023**28. SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)**28.1 Chi tiết các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan** (tiếp theo)**► Chi phí phải trả ngắn hạn** (Thuyết minh số 18)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Đơn vị tính: triệu VND</i> <i>Số cuối kỳ</i>
Công ty CP Đầu tư Phát triển VS	Công ty con	Lãi vay phải trả	123.189
Công ty CP Vincom Retail	Công ty con	Lãi cọc phải trả	45.138
Công ty CP Vinbigdata	Công ty con	Lãi vay phải trả	30.830
Công ty CP Giải pháp và Dịch vụ Công nghệ Vantix	Công ty con	Lãi vay phải trả	30.219
Các công ty khác	Công ty con	Phải trả khác	39.533
			268.909

► Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 19)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Đơn vị tính: triệu VND</i> <i>Số cuối kỳ</i>
Công ty CP Vinhomes	Công ty con	Đặt cọc theo các thỏa thuận, hợp đồng hợp tác đầu tư/kinh doanh	8.838.462
		Lợi nhuận phải trả theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	828.354
		Đặt cọc chuyển nhượng cổ phần	199.700
Công ty CP Phát triển Thành phố xanh	Công ty con	Đặt cọc theo các thỏa thuận, hợp đồng hợp tác đầu tư/kinh doanh	8.568.649
		Phải trả ngắn hạn khác	685.492
Các công ty khác	Công ty con	Phải trả ngắn hạn khác	425.683
			19.546.340

► Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh số 19)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Đơn vị tính: triệu VND</i> <i>Số cuối kỳ</i>
Công ty CP Vinhomes	Công ty con	Đặt cọc theo các thỏa thuận, hợp đồng hợp tác đầu tư/kinh doanh	35.002.000
Công ty CP đầu tư xây dựng Thái Sơn	Công ty con	Đặt cọc để chuyển nhượng các khoản đầu tư	10.320.495
Công ty Cổ Phần Vincom Retail	Công ty con	Đặt cọc theo các thỏa thuận, hợp đồng hợp tác đầu tư/kinh doanh	3.243.898
Công ty TNHH Đô thị đại học quốc tế Berjaya Việt Nam	Công ty con	Đặt cọc để chuyển nhượng các khoản đầu tư	2.863.125
Các công ty khác	Công ty con	Đặt cọc cho mục đích đầu tư	1.758.841
			53.188.359

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2023**28. SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)**28.2 Chi tiết các khoản cho các bên liên quan vay****► Phải thu về cho vay ngắn hạn** (Thuyết minh số 6)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Đơn vị tính: triệu VND	
		Số cuối kỳ	Lãi suất %/năm
Công ty CP Sản xuất và kinh doanh Vinfast	Công ty con	19.282.164	8%-11%
Công ty CP Vinpearl	Công ty con	5.251.604	11%-13%
Công ty CP Giải pháp Năng lượng VinES	Công ty con	5.175.890	11,00%
Công ty CP Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec	Công ty con	3.219.632	11,00%
Các công ty khác	Công ty con	2.548.830	11,00%
		35.478.120	

Các khoản vay này có ngày đáo hạn muộn nhất là tháng 03 năm 2024.

► Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh số 6)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Đơn vị tính: triệu VND	
		Số cuối kỳ	Lãi suất %/năm
Công ty CP Vingroup Investment Việt Nam	Công ty con	3.421.500	11,00%
		3.421.500	

Các khoản vay này có ngày đáo hạn muộn nhất là tháng 12 năm 2026.

28.3 Chi tiết các khoản đi vay các bên liên quan**► Vay và nợ ngắn hạn** (Thuyết minh số 20)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Đơn vị tính: triệu VND	
		Số cuối kỳ	Lãi suất %/năm
Công ty TNHH Giáo dục và Đào tạo VINACADEMY	Công ty con	111.000	11,00%
Công ty CP Vinbigdata	Công ty con	102.000	11,00%
Công ty CP Dịch vụ An ninh mạng VinCSS	Công ty con	38.400	11,00%
Các công ty khác	Công ty con	199.982	11,00%
		451.382	

Các khoản vay này có ngày đáo hạn muộn nhất là tháng 03 năm 2024.

► Vay và nợ dài hạn (Thuyết minh số 20)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Đơn vị tính: triệu VND	
		Số cuối kỳ	Lãi suất %/năm
Công ty CP Đầu tư Phát triển VS	Công ty con	4.541.835	11,00%
Công ty CP VinSchool	Công ty con	1.090.300	11,00%
Công ty TNHH Giáo dục và Đào tạo Vinacademy	Công ty con	772.600	11,00%
Công ty CP Bất động sản Xavinco	Công ty con	731.782	11,00%
Các công ty khác	Công ty con	273.500	11,00%
		7.410.017	

Các khoản vay này có ngày đáo hạn muộn nhất là tháng 06 năm 2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2023

29. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty.



Lưu Thị Ngọc Ánh
Người lập



Nguyễn Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng



Mai Hương Nội
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 04 năm 2023

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2023

PHỤ LỤC 1 – CƠ CẤU TỔ CHỨC TẠI NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2023

<u>STT</u>	<u>Tên công ty</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết (%)</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích (%)</u>	<u>Tru sở chính</u>	<u>Hoạt động chính</u>
1	Công ty CP Vincom Retail	60,33%	60,33%	Số 7, Đường Bằng Lăng 1, Khu đô thị Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cho thuê mặt bằng, đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
2	Công ty TNHH Vận hành Vincom Retail	100,00%	60,33%	Tòa nhà văn phòng Symphony, Đường Chu Huy Mân, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cho thuê mặt bằng, đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
3	Công ty CP Đầu Tư Và Phát Triển Đô Thị Suối Hoa	99,90%	60,27%	Km1 + 200, Đường Trần Hưng Đạo, P. Suối Hoa, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Cho thuê mặt bằng, đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
4	Công ty TNHH Vincom Retail Landmark 81	100,00%	60,33%	Tầng 20A, Tòa nhà Vincom Center Đông Khởi, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Vincom Retail	99,90%	60,27%	Tòa nhà văn phòng Symphony, Đường Chu Huy Mân, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Phúc Đông, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản
6	Công ty CP Vinhomes	69,34%	69,34%	Tòa nhà văn phòng Symphony, Đường Chu Huy Mân, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản Cho thuê văn phòng, căn hộ và cung cấp dịch vụ quản lý bất động sản Xây dựng nhà và các công trình dân dụng
7	Công ty CP Đầu Tư Và Phát Triển Địa Ốc Thành Phố Hoàng Gia	97,85%	67,85%	Số 72A, Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội, Việt Nam	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2023

PHỤ LỤC 1 – CƠ CẤU TỔ CHỨC TẠI NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2023

<u>STT</u>	<u>Tên công ty</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết (%)</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích (%)</u>	<u>Trụ sở chính</u>	<u>Hoạt động chính</u>
8	Công ty CP Đầu Tư Và Phát Triển Đô Thị Sài Đồng	100,00%	69,30%	Số 7, Đường Bằng Lăng 1, Khu đô thị Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
9	Công ty CP Bất Động Sản Xavince	96,44%	96,12%	191 phố Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
10	Công ty TNHH Xalivico	74,00%	71,13%	Số 233 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
11	Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh Doanh Bất Động Sản Thăng Long	73,00%	69,93%	Số 7, Đường Bằng Lăng 1, Khu đô thị Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
12	Công ty Cổ Phần Trung Tâm Hội Chợ Triển Lãm Việt Nam	87,97%	86,54%	Số 148 đường Giảng Võ, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
13	Công ty TNHH Metropolis Hà Nội	100,00%	69,34%	Lô đất HI, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
14	Công ty CP Sách Việt Nam	65,33%	65,33%	Số 44 phố Tràng Tiền, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Xuất bản sách
15	Công ty CP Đô Thị Du Lịch Cần Giờ	99,89%	69,16%	Số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
16	Công ty TNHH Phát Triển Công Viên Trung Tâm	100,00%	69,30%	Tầng 9, Tòa nhà IPH, Số 241 Xuân Thủy, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2023

PHỤ LỤC 1 – CƠ CẤU TỔ CHỨC TẠI NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2023

<u>STT</u>	<u>Tên công ty</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết (%)</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích (%)</u>	<u>Trụ sở chính</u>	<u>Hoạt động chính</u>
17	Công ty CP Đầu Tư Và Phát Triển Sinh Thái	100,00%	69,20%	Số 191, phố Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
18	Công ty TNHH Đầu Tư Và Phát Triển Đô Thị Gia Lâm	99,39%	68,78%	Tầng 2 Trung tâm thương mại Vincom Mega Mall Ocean Park, Lô đất CCTP- sần 10, Dự án Khu Đô thị Gia Lâm, Thị trấn Trâu Quỳ và các Xã Dương Xá, Kiêu Kỵ, Xã Đa Tốn, Huyện Gia Lâm, Hà Nội, Việt Nam	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
19	Công ty CP Tư Vấn Đầu Tư Và Đầu Tư Việt Nam	70,00%	48,44%	Số 191, phố Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
20	Công ty TNHH Bất Động Sản Tây Tầng Long	90,00%	62,40%	Số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP.HCM, Việt Nam	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
21	Công ty TNHH Đô Thị Đại Học Quốc tế Berjaya Việt Nam	97,90%	67,71%	Tầng 20A, Tòa nhà Vincom Center Đồng Khởi, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
22	Công ty CP Đầu Tư Và Phát Triển Lăng Vân	100,00%	100,00%	Số 07, đường Trường Sa, Phường Hoà Hải, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
23	Công ty TNHH Trung Tâm Tài Chính Việt Nam Berjaya	67,50%	46,68%	Tầng 20A, Tòa nhà Vincom Center Đồng Khởi, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
24	Công ty TNHH Thương Mại Đầu Tư Và Phát Triển Thiên Niên Kỳ	100,00%	69,34%	Tầng 20A, Tòa nhà Vincom Center Đồng Khởi, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản và cho thuê văn phòng

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2023

PHỤ LỤC 1 – CƠ CẤU TỔ CHỨC TẠI NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2023

<u>STT</u>	<u>Tên công ty</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết (%)</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích (%)</u>	<u>Trụ sở chính</u>	<u>Hoạt động chính</u>
25	Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng Thái Sơn	100,00%	69,16%	Số 7, Đường Bằng Lăng 1, Khu đô thị Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
26	Công ty CP Phát triển GS Củ Chi	100,00%	69,27%	Tầng 20A, TTTM Vincom Center Đồng Khởi, số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
27	Công ty CP Phát Triển Thành Phố Xanh	100,00%	69,17%	72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
28	Công ty CP Delta	100,00%	69,27%	110 Đặng Công Bình, ấp 6, Xã Xuân Thới Thượng, Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
29	Công ty CP Đầu Tư Khu Công Nghiệp Vinhomes	100,00%	69,33%	Số 7, Đường Bằng Lăng 1, Khu đô thị Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
30	Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng Đại An	100,00%	69,34%	Quốc lộ 5A, thôn Đình Dù, Xã Đình Dù, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
31	Công ty CP Kinh Doanh Thương Mại SADO	100,00%	99,99%	Tòa nhà Văn phòng Symphony, Đường Chu Huy Mán, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Hoạt động tư vấn, đầu tư
32	Công ty Cổ Phần Thương Mại Và Đầu Tư Sơn Thái	99,99%	69,16%	Số 65 đường Hải Phòng, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2023

PHỤ LỤC 1 – CƠ CẤU TỔ CHỨC TẠI NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2023

<u>STT</u>	<u>Tên công ty</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết (%)</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích (%)</u>	<u>Tru sở chính</u>	<u>Hoạt động chính</u>
33	Công ty Cổ phần Phát triển Kinh doanh Bất động sản SV Tây Hà Nội	100,00%	69,25%	Tầng 2, khu Almaz Market, Đường Hoa Lan, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
34	Công ty Cổ phần Phát triển và Đầu tư Xây dựng VinCons	100,00%	69,34%	Tầng 10, Tòa nhà TechnoPark Tower, Khu đô thị Gia Lâm, Xã Đa Tốn, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Bán lẻ ô tô con
35	Công ty Cổ phần Phát triển Xây dựng Vincons 2	99,00%	68,64%	Km15 Đại Lộ Hùng Vương, Phường Cam Nghĩa, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất
36	Công ty Cổ phần Muối Cam Ranh	100,00%	69,34%	Cây số 15, Km 1497, Phường Cam Nghĩa, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản
37	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thương mại SDI	99,99%	99,99%	Tòa nhà văn phòng Symphony, Đường Chu Huy Mân, Khu đô thị Vinhomes Riverside, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Dịch vụ tư vấn quản lý
38	Công ty CP Vinpearl	100,00%	100,00%	Đảo Hòn Tre, phường Vĩnh Nguyên, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn
39	Công ty CP Cảng Nha Trang	99,04%	99,02%	05 Trần Phú, phường Vĩnh Nguyên, TP Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	Bốc xếp hàng hóa, cho thuê kho bãi
40	Công ty TNHH Việt Nam Grand Prix	100,00%	100,00%	Số 7, Đường Bằng Lăng 1, Khu đô thị Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Tổ chức, xúc tiến các sự kiện, triển lãm, hội nghị, hội thảo
41	Công ty TNHH Đầu Tư và Phát Triển Du Lịch Phúc An	100,00%	100,00%	Số 7, Đường Bằng Lăng 1, Khu đô thị Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn ngày

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2023

PHỤ LỤC 1 – CƠ CẤU TỔ CHỨC TẠI NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2023

STT	Tên công ty	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tru sở chính	Hoạt động chính
42	Công ty TNHH Vinpearl Australia	100,00%	99,99%	234 Balaclava Road, Caulfield North 3161, Melbourne, Victoria, Australia	Dịch vụ lưu trú, đại lý du lịch
43	Công ty TNHH Cape Wickham Golf Links	100,00%	99,99%	1 Cape Wickham Road, Wickham, TAS 7256, Australia	Quản lý sân Golf
44	Công ty Cổ phần Vinpearl Landmark 81	100,00%	100,00%	Tầng 20A, Tòa nhà Vincom Center Đồng Khởi, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn ngày
45	Công ty Cổ phần Vinpearl Thanh Hóa	99,80%	99,80%	Số 27, Trần Phú, Phường Điện Biên, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn ngày
46	Công ty Cổ phần Vinpearl Huế	99,80%	99,80%	Số 50A, Hùng Vương, Phường Phú Nhuận, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn ngày
47	Công ty Cổ phần Vinpearl Lạng Sơn	99,80%	99,80%	Tổ hợp TTTM, khách sạn và nhà phố Shop - House, phía Nam cầu Kỳ Lừa, Phường Chi Lăng, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn ngày
48	Công ty Cổ phần Vinpearl Tây Ninh	99,80%	99,80%	Số 90, Đường Lê Duẩn, Khu phố 5, Phường 3, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn ngày
49	Công ty Cổ phần Vinpearl Quảng Bình	100,00%	100,00%	Đường Quách Xuân Kỳ, Phường Đồng Hải, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn ngày
50	Công ty Cổ phần Vinpearl Hotel Cần Thơ	99,80%	99,80%	Số 209, Đường 30/4, Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn ngày
51	Công ty Cổ phần Vinpearl Hà Nam	99,80%	99,80%	Tổ hợp thương mại - dịch vụ tổng hợp Hà Nam, Phường Minh Khai, Thành phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn ngày

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2023

PHỤ LỤC 1 – CƠ CẤU TỔ CHỨC TẠI NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2023

<u>STT</u>	<u>Tên công ty</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết (%)</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích (%)</u>	<u>Trụ sở chính</u>	<u>Hoạt động chính</u>
52	Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh VMC Holding	75,00%	75,00%	Số 7, Đường Bằng Lăng 1, Khu đô thị Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Hoạt động tư vấn quản lý
53	Công ty CP Bệnh Viện Đa Khoa Quốc Tế Vinmec	100,00%	75,00%	Số 458, Phố Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cung cấp các dịch vụ bệnh viện
54	Công ty Cổ phần Vinschool	100,00%	79,53%	Số 7, Đường Bằng Lăng 1, Khu đô thị Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ giáo dục
55	Công ty TNHH Giáo Dục Và Đào Tạo VinAcademy	100,00%	100,00%	Số 7, Đường Bằng Lăng 1, KĐT sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ giáo dục
56	Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ Vincom	100,00%	100,00%	Số 7, Đường Bằng Lăng 1, Khu đô thị Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Kinh doanh dịch vụ bảo vệ
57	Công ty TNHH Dịch Vụ Vận Tải Sinh Thái VinBus	100,00%	100,00%	Số 7, Đường Bằng Lăng 1, Khu đô thị Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Dịch vụ vận tải hành khách
58	Công ty TNHH World Academy	100,00%	100,00%	Số 7, Đường Bằng Lăng 1, Khu đô thị Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ giáo dục
59	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển VS	79,53%	79,53%	Số 7, Đường Bằng Lăng 1, Khu đô thị Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Dịch vụ tư vấn quản lý

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2023

PHỤ LỤC 1 – CƠ CẤU TỔ CHỨC TẠI NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2023

<u>STT</u>	<u>Tên công ty</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết (%)</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích (%)</u>	<u>Trụ sở chính</u>	<u>Hoạt động chính</u>
60	Công ty Cổ phần VinFa	100,00%	100,00%	Số 7, Đường Bằng Lăng 1, Khu đô thị Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản
61	Công ty Cổ phần Đầu tư Y học Công nghệ cao VinMedTech	99,00%	99,00%	Số 7, Đường Bằng Lăng 1, Khu đô thị Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cung cấp các dịch vụ bệnh viện
62	Công ty Cổ phần Sản Xuất và Kinh Doanh Vinfast	99,90%	51,47%	Khu Kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, đảo Cát Hải, Thị trấn Cát Hải, Huyện Cát Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Sản xuất xe có động cơ
63	Công ty TNHH Kinh Doanh Thương Mại Và Dịch Vụ Vinfast	99,50%	51,53%	Số 7, Đường Bằng Lăng 1, Khu đô thị Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Bán lẻ ô tô con
64	Công ty TNHH Vinfast Germany	100,00%	51,47%	106 ResCowork04, Frankfurt, Alte Oper, Bockenheimer Landstraße 17/19, 60325 Frankfurt am Main, Đức	Mua bán, xuất nhập khẩu thiết bị, linh kiện vật tư, phụ tùng ô tô xe máy và các hàng hóa liên quan
65	Công ty TNHH Vinfast Engineering Australia	100,00%	51,47%	65 Fennel Street, Port Melbourne, Victoria, Australia	Thiết kế ô tô & xe máy, Hợp tác nghiên cứu công nghệ, Nhập khẩu và phân phối hàng hóa
66	Công ty CP Nghiên Cứu Và Sản Xuất Vinsmart	82,65%	82,65%	Lô CN1-06B-1&2 Khu Công nghiệp Cao Lạch, Xã Hạ Bằng, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Sản xuất thiết bị truyền thông
67	Công ty CP Vingroup Investment Việt Nam	100,00%	51,79%	Số 7, Đường Bằng Lăng 1, Khu đô thị Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Hoạt động tư vấn, đầu tư
68	Công ty TNHH Vingroup Global	100,00%	82,65%	120 Lower Delta Road, #02-00, Cendex Centre, Singapore	Nhập khẩu phân phối hàng hóa, Hợp tác nghiên cứu công nghệ

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2023

PHỤ LỤC 1 – CƠ CẤU TỔ CHỨC TẠI NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2023

<u>STT</u>	<u>Tên công ty</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết (%)</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích (%)</u>	<u>Trụ sở chính</u>	<u>Hoạt động chính</u>
69	Công ty TNHH Vingroup Investment	90,15%	74,50%	120 Lower Delta Road, #02-05, Cendex Centre, Singapore	Nghiên cứu và phát triển thị trường
70	Công ty TNHH Vingroup USA	100,00%	51,79%	333 W. San Carlos St., Suite 600, San Jose, CA 95110, Mỹ	Nhập khẩu và phân phối thiết bị điện tử, viễn thông
71	Công ty TNHH Vinfast Auto	100,00%	51,79%	790 N. San Mateo Drive, San Mateo, CA 94401, Mỹ	Nhập khẩu và phân phối xe ô tô
72	Công ty TNHH Vinfast USA Distribution	100,00%	51,79%	333 W. San Carlo Street, Suite 600, San Jose, Mỹ	Nhập khẩu và phân phối xe ô tô
73	Công ty TNHH VinFast Auto Canada	100,00%	51,79%	Suite 2600, Three Bentall Centre 595 Burrard Street, P.O. Box 49314, Vancouver Bc V7X 1L3, Canada	Nhập khẩu và phân phối xe ô tô
74	Công ty TNHH Vinfast France	100,00%	51,79%	95, rue La Boétie 75008, Pháp	Nhập khẩu và phân phối xe ô tô
75	Vinfast Netherlands B.V	100,00%	51,79%	Vijzelstraat 68, 1017HL Amsterdam, Hà Lan	Bán và sửa chữa xe, lắp đặt linh kiện xe hơi
76	Công ty TNHH VinFast Auto	51,52%	51,52%	120 Lower Delta Road, #02-05, Cendex Centre, Singapore	Dịch vụ tư vấn quản lý, dịch vụ tài chính khác
77	Công ty Cổ Phần Giải Pháp Năng Lượng VinES	51,00%	51,00%	Tòa nhà văn phòng Symphony, Đường Chu Huy Mán, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Sản xuất pin và ắc quy
78	Công ty Cổ Phần Giải Pháp Năng Lượng VinES Hà Tĩnh	50,50%	25,76%	Khu Kinh tế Vũng Áng, Xã Kỳ Lợi, Thị xã Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam	Sản xuất pin và ắc quy
79	Công ty TNHH VinES USA	100,00%	51,00%	850 New Burton Road, Suite 201, Dover, Delaware 19904, County of Kent	Kinh doanh PIN bao gồm: bán, cho thuê, sửa chữa
80	Công ty TNHH Vinsmart Trading And Investment	100,00%	82,65%	38 Kim Tain Road, #03-07, Singapore	Dịch vụ tư vấn công nghệ thông tin
81	Công ty VinFast OEM US Holdings, Inc	100,00%	51,52%	850 New Burton Road, Suite 201, Dover, Delaware 19904, Kent County	Nghiên cứu và phát triển thị trường

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2023

PHỤ LỤC 1 – CƠ CẤU TỔ CHỨC TẠI NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2023

<u>STT</u>	<u>Tên công ty</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết (%)</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích (%)</u>	<u>Trụ sở chính</u>	<u>Hoạt động chính</u>
82	Công ty TNHH VinFast Manufacturing US	100,00%	51,52%	160 Mine Lake Court, Suite 200, Raleigh city, State of North Carolina	Lắp ráp xe điện và Ebus
83	Công ty TNHH VinES Manufacturing US	100,00%	51,00%	State of North Carolina	Sản xuất PIN
84	Công ty VinES Netherlands BV.	100,00%	51,00%	Vijzelstraat 68, 1017HL Amsterdam	Bán buôn thiết bị điện tử, viễn thông và linh kiện
85	Công ty CP Phát Triển Công Nghệ VinTech	86,67%	86,67%	Số 7, Đường Bằng Lăng 1, Khu đô thị Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật
86	Công ty CP Giải Pháp Và Dịch Vụ Công Nghệ Vantix	100,00%	100,00%	Số 7, Đường Bằng Lăng 1, Khu đô thị Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính
87	Công ty Cổ phần Dịch Vụ An Ninh Mạng VINCSS	65,00%	65,00%	Số 7, Đường Bằng Lăng 1, Khu đô thị Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ
88	Công ty Cổ phần Sản Xuất Và Kinh Doanh Phần Mềm VinHMS	65,00%	65,00%	Số 7, Đường Bằng Lăng 1, Khu đô thị Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Sản xuất phần mềm
89	Công Ty CP Giải Pháp Công Nghệ Thông Tin Và Hạ Tầng Truyền Dẫn VINITIS	80,00%	55,78%	Số 7, Đường Bằng Lăng 1, Khu đô thị Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan
90	Công ty CP VIN3S	100,00%	85,43%	Số 7, Đường Bằng Lăng 1, Khu đô thị Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Thiết lập trang thông tin thương mại điện tử

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2023

PHỤ LỤC 1 – CƠ CẤU TỔ CHỨC TẠI NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2023

<u>STT</u>	<u>Tên công ty</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết (%)</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích (%)</u>	<u>Tru sở chính</u>	<u>Hoạt động chính</u>
91	Công ty Cổ phần Nghiên cứu Và Ứng dụng Trí Tuệ Nhân Tạo VinAI	65,00%	65,00%	Tòa nhà văn phòng Symphony, Đường Chu Huy Mân, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ
92	Công ty Cổ Phần Vinbigdata	65,00%	65,00%	Tòa nhà văn phòng Symphony, Đường Chu Huy Mân, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ
93	Công ty CP Đầu Tư Bảo Lai	96,48%	66,73%	Số 166 Phạm Văn Đồng, Phường Xuân Đỉnh, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam	Khai thác khoáng sản
94	Công ty TNHH MTV Đá Trắng Bảo Lai	100,00%	66,73%	Thôn Hợp Nhất, Xã Thịnh Hưng, Huyện Yên Bình, Yên Bái, Việt Nam	Sản xuất các sản phẩm từ đá trắng
95	Công ty CP Đá Cẩm Thạch Dốc Thẳng	100,00%	67,76%	Thôn Ngòi Kèn, Xã Liễu Đô, Huyện Lục Yên, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam	Khai thác khoáng sản
96	Công ty TNHH Đá Cẩm Thạch An Phú	100,00%	66,73%	Thôn Khau Ca, Xã An Phú, Huyện Lục Yên, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam	Sản xuất các sản phẩm từ đá trắng
97	Công ty TNHH MTV Khai Thác Khoáng Sản Bảo Lai Lục Yên	100,00%	66,73%	Thôn Ngòi Kèn, Xã Liễu Đô, Huyện Lục Yên, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam	Khai thác khoáng sản
98	Công ty CP Khoáng Sản Phan Thanh	100,00%	66,94%	Thôn Bán Ro, Xã Phan Thanh, Huyện Lục Yên, Yên Bái, Việt Nam	Khai thác khoáng sản
99	Công ty CP Đầu Tư Vạn Khoa	100,00%	67,60%	Thôn Ngòi Kèn, Xã Liễu Đô, Huyện Lục Yên, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam	Khai thác khoáng sản
100	Công ty TNHH Kinh Doanh Và Thương Mại Dịch Vụ Vinpro	100,00%	100,00%	Số 7, Đường Bằng Lăng 1, Khu đô thị Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn, máy tính, phần mềm và thiết bị viễn thông

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2023

PHỤ LỤC 1 – CƠ CẤU TỔ CHỨC TẠI NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2023

<u>STT</u>	<u>Tên công ty</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết (%)</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích (%)</u>	<u>Trụ sở chính</u>	<u>Hoạt động chính</u>
101	Công ty CP Kinh Doanh Và Phát Triển Sinh Thái	100,00%	69,32%	Tòa nhà Văn phòng Symphony, Đường Chu Huy Mân, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
102	Công ty CP VINDFS	80,00%	79,99%	Ô CC-1 (Phân khu KT-A), khu đô thị Biên An Viên, phường Vĩnh Nguyễn, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh
103	Công ty TNHH Vinpearl Travel	100,00%	99,99%	Số 7, Đường Bằng Lăng 1, Khu đô thị Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Đại lý du lịch
104	Công ty TNHH Vinsmart Ukraine	100,00%	74,50%	Tòa nhà 15, Zabaikalskuy lane, Vùng Kharkiv, Thành phố Kharkiv, Ukraina	Nghiên cứu và phát triển thị trường

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

PHỤ LỤC 2 – GIẢI TRÌNH BIẾN ĐỘNG KẾT QUẢ KINH DOANH SO VỚI KỲ TRƯỚC

<Theo thông tư 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020>

PL	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính: triệu VND				
		Quý I năm 2023	Quý I năm 2022	Chênh lệch		
		Quý I năm 2023	Quý I năm 2022	Chênh lệch	%	Năm 2023
01	Tổng doanh thu	3.174.977	861.854	2.313.123	268%	3.174.977
02	Các khoản giảm trừ	-	-	-	-	-
10	Doanh thu thuần	3.174.977	861.854	2.313.123	268%	3.174.977
11	Giá vốn hàng bán	2.867.252	857.123	2.010.129	235%	2.867.252
20	Lợi nhuận gộp	307.725	4.731	302.994	6404%	307.725
21	Doanh thu tài chính	3.825.428	3.079.581	745.847	24%	3.825.428
22	Chi phí tài chính	2.059.648	2.506.041	(446.393)	-18%	2.059.648
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	1.323.342	858.096	465.246	54%	1.323.342
25	Chi phí bán hàng	62.632	24.678	37.954	154%	62.632
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	326.247	65.320	260.927	399%	326.247
30	Lợi nhuận thuần	1.684.626	488.273	1.196.353	245%	1.684.626
31	Thu nhập khác	28.305	35.333	(7.028)	-20%	28.305
32	Chi phí khác	12.950	(16.177)	29.127	-180%	12.950
40	Lợi nhuận khác	15.355	51.510	(36.155)	-70%	15.355
50	Lợi nhuận trước thuế	1.699.981	539.783	1.160.198	215%	1.699.981
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	196.663	25.346	171.317	676%	196.663
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	18.275	156.549	(138.274)	-88%	18.275
60	Lợi nhuận sau thuế	1.485.043	357.888	1.127.155	315%	1.485.043

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

PHỤ LỤC 2 – GIẢI TRÌNH BIẾN ĐỘNG KẾT QUẢ KINH DOANH SO VỚI KỲ TRƯỚC (tiếp theo)

Giải trình nguyên nhân biến động trong trường hợp KQKD giữa hai kỳ báo cáo biến động từ 10% trở lên

- Trong quý 1 năm 2023, lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do tăng doanh thu chuyển nhượng bất động sản.
- Doanh thu tài chính tăng chủ yếu do tăng thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư.
- Chi phí tài chính giảm chủ yếu do giảm trích lập dự phòng giám giá các khoản đầu tư và giảm lỗ từ hoạt động chuyển nhượng vốn.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng chủ yếu do tăng trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.
- Chi phí thuế TNDN tăng chủ yếu do tăng lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ

Ngày 24 tháng 04 năm 2023

Phó Tổng Giám đốc



Mai Hương Nội